

quần chúng, cùng các đoàn thể phát động tổ chức, chỉ đạo và tổng kết phong trào thi đua.

Khi các đoàn thể yêu cầu, thành viên của Hội đồng bộ trưởng có trách nhiệm thông báo cho các đoàn thể biết rõ những chủ trương, chính sách có liên quan.

Chương III

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG VÀ CÁC CƠ QUAN KHÁC GIÚP VIỆC HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Điều 49. — Văn phòng Hội đồng bộ trưởng là bộ máy làm việc của Hội đồng bộ trưởng, có nhiệm vụ phục vụ sự quản lý tập trung thống nhất của Hội đồng bộ trưởng, phục vụ sự chỉ đạo và điều hành công việc hàng ngày của Chủ tịch và các Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng. Nhiệm vụ cụ thể, tổ chức bộ máy và chế độ làm việc của Văn phòng Hội đồng bộ trưởng do Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng quyết định.

Điều 50. — Tùy nhu cầu công tác, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng thành lập các tổ chức làm tư vấn cho Hội đồng bộ trưởng để chuẩn bị các đề án hoặc giải quyết các vấn đề về kinh tế, tài chính, khoa học — kỹ thuật, văn hóa — xã hội, quản lý Nhà nước; thành lập các ban chuyên môn để giúp Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng theo dõi và quản lý một hoặc nhiều lĩnh vực công tác.

Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của các tổ chức nói trên được quy định trong văn bản thành lập các tổ chức đó.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 51. — Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được công bố và sẽ thay thế các văn bản sau đây:

— Các quy định ở chương IV, V, VI, VII của bản Điều lệ tổ chức và hoạt động

của Hội đồng Chính phủ ban hành kèm theo nghị định số 172-CP ngày 1-11-1973.

— Bản quy định cụ thể về chế độ làm việc của Hội đồng Chính phủ ban hành kèm theo quyết định số 141-CP ngày 19-6-1974.

— Nghị quyết số 147-CP ngày 14-5-1980 của Hội đồng Chính phủ về cải tiến một bước chế độ làm việc của Hội đồng Chính phủ và các ngành, các cấp.

Điều 52. — Các điều lệ về tổ chức và hoạt động của các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng và Ủy ban nhân dân các cấp đều phải căn cứ vào điều lệ này và không được trái với điều lệ này.

Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành điều lệ này.

Điều 53. — Các thành viên của Hội đồng bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương chịu trách nhiệm thi hành điều lệ này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
Chủ tịch

PHẠM VĂN ĐỒNG

BỘ TRƯỞNG TÔNG THƯ KÝ

QUYẾT ĐỊNH số 83-BT ngày 29-12-1981 về việc cho phép thành lập Giáo Hội Phật giáo Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG

TÔNG THƯ KÝ HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ vào Luật số 102-SL/L004 ngày 20-5-1957 quy định quyền lập hội;

Căn cứ nghị định số 258-TTg ngày 14-6-1957 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật trên;

Xét đơn của Chủ tịch Ban thường trực trung ương Giáo Hội Phật giáo Việt Nam ngày 10 tháng 11 năm 1981 kèm theo hiến chương, chương trình hoạt động, danh sách ban lãnh đạo Giáo Hội Phật giáo Việt Nam;

Theo đề nghị của đồng chí trưởng ban Ban Tôn giáo của Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Cho phép thành lập Giáo Hội Phật giáo Việt Nam.

Giáo Hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức đại diện cho Phật giáo Việt Nam về mọi mặt quan hệ ở trong nước và ngoài nước.

Điều 2. — Phê chuẩn bản Hiến chương (tức là Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Hội Phật giáo Việt Nam) và danh sách ban lãnh đạo do hội nghị đại biểu thống nhất các tổ chức Phật giáo bầu ra trong cuộc họp từ ngày 4 đến ngày 7 tháng 10 năm 1981.

Điều 3. — Đồng chí trưởng ban Ban Tôn giáo của Chính phủ, Chủ tịch Ban thường trực trung ương Giáo Hội Phật giáo Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 1981

Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng Bộ trưởng

ĐẶNG THỊ

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

Y TẾ — LAO ĐỘNG — TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ liên bộ số 31-TT/LB ngày 15-9-1981 quy định chế độ phụ cấp đối với cán bộ, nhân viên chuyên môn y tế làm công tác thường trực ở các cơ sở điều trị, điều dưỡng.

Đề phù hợp với tình hình hiện nay, liên Bộ Y tế — Lao động — Tài chính quy định chế độ phụ cấp đối với cán bộ, nhân viên

chuyên môn y tế làm công tác thường trực về chuyên môn ở các cơ sở điều trị, điều dưỡng... như sau.

I. TỔ CHỨC CÔNG TÁC THƯỜNG TRỰC

Đề bảo đảm việc khám, chữa bệnh, sản sóc bệnh nhân và sản phụ được liên tục suốt ngày đêm, các cơ sở điều trị có từ 10 (mười) giường bệnh trở lên như các viện nghiên cứu có giường bệnh; viện điều dưỡng; phòng khám bệnh đa khoa khu vực; các nhà hộ sinh thị xã, quận, thành phố trực thuộc tỉnh, các trạm cấp cứu đều phải tổ chức thường trực về chuyên môn ở các cơ sở nói trên.

Việc bố trí số lượng người thường trực về chuyên môn ở từng loại cơ sở điều trị, điều dưỡng... sẽ do một văn bản riêng của Bộ Y tế hướng dẫn cụ thể.

Mỗi phiên trực tính từ đầu giờ làm việc sáng hôm trước liên tục đến sau khi giao ban sáng hôm sau. Trong phiên trực, người thường trực về chuyên môn phải thường xuyên có mặt tại nơi làm việc để điều trị, sản sóc bệnh nhân và sản phụ theo đúng chế độ, chức trách chuyên môn như đã quy định cụ thể trong bản quy chế tổ chức, chức trách chế độ công tác trong bệnh viện do Bộ Y tế ban hành kèm theo công văn số 1076-BYT/CD ngày 12-6-1979.

II. CHẾ ĐỘ NGHỈ BÙ VÀ PHỤ CẤP

Cán bộ, nhân viên chuyên môn y tế (hộ lý, y tá, dược tá, xét nghiệm viên, y sĩ, dược sĩ, nữ hộ sinh, bác sĩ...) sau mỗi phiên trực về chuyên môn được nghỉ bù và phụ cấp như sau:

1. Thường trực tại các cơ sở điều trị có từ 20 giường trở lên như các nhà hộ sinh thị xã, thị trấn, quận, các phòng cấp cứu của các thành phố lớn.

a) *Nghỉ bù:*

— Phiên trực ngày thường được nghỉ bù một ngày đối với các khoa lâm sàng, phòng khám bệnh, nhà hộ sinh, trạm cấp cứu; được nghỉ bù nửa (1/2) ngày đối với